

Nay nói ba giới đều lấy dứt ác làm thể, giới đầu là dứt ác của oai nghi, giới thứ hai là dứt ác về không làm thiện, giới sau là dứt ác về không độ người. Vì thế lúc đầu là thọ đủ ba giới mà lúc sau mới thực hành pháp thiện và độ chúng sanh.

Hỏi: Vì sao chỉ nói ba thứ giới?

Đáp: Giới dứt tất cả ác thì về sau đắc quả không có lệ lụy nào không dứt hết. Giới làm tất cả việc lành sau được đức pháp thân chẳng có gì không tròn đầy, giới độ chúng sanh cũng giúp cho người khác được hai quả báo này, cho nên giữ gìn ba giới thì mình và người đều chứng pháp thân.

Hỏi: Giới lấy gì làm thể?

Đáp: Luận Tỳ-đàm lấy sắc thể, luận Thành Thật lấy phi sắc phi tâm làm thể, thí dụ tăng kỳ là nói lia suy nghĩ không có nhân báo, lia thọ nhận không có quả báo, cho nên lấy tâm làm thể. Nay nói Đại thừa thích ứng cơ duyên không có chấp nhất định, nếu có chấp nhất định thì thành tranh luận, rơi vào xiển-đề.

“Hoặc lại thấy Bồ-tát” v.v... đây là nói về nhẫn nhục độ, giữ giới tức tự mình không làm ác, hành nhẫn nhục là chịu đựng người khác đánh mắng, nhẫn nhục có ba thứ:

1. Người khác không lợi ích nhẫn.
2. An nhiên chịu khổ nhẫn.
3. Pháp tư duy nhẫn.

Nay nói rằng “ở một mình nơi vắng vẻ”, xa lia năm dục kiểm chế sáu căn, đó là an nhiên chịu khổ nhẫn và pháp tư duy nhẫn.

“Cũng thấy có Bồ-tát”, đây là nói về hạnh tinh tấn, tinh tấn có ba loại:

1. Mở rộng thế tinh tấn, do phát nguyện lớn.
2. Tập thiện tinh tấn, là tự tu các điều thiện.
3. Lợi ích chúng sanh tinh tấn: do độ chúng sanh.

Nay trong văn là nói hai phần tinh tấn trước. “Lại thấy người lia dục, thường ở chỗ trống vắng, sâu tu môn thiền định, đắc năm pháp thân thông”, đây là phần kệ tụng về thiền định, thiền có ba loại:

1. Hiện pháp lạc thiền, là trong tâm vắng lặng.
2. Sanh ra công đức thiền, là phát sanh bốn thiền định, năm thứ thần thông.
3. Lợi ích chúng sanh thiền, là độ chúng sanh. Nay trong văn chưa nói phần độ chúng sanh, nên chỉ là hai phần thiền trước mà thôi. Phần kệ đầu là nói về tu thiền đắc quả, phần kệ sau là nói động tĩnh như

nhau, Tiểu thừa chỉ nói tu Bốn thiền mới có công năng phát sanh thân thông, Đại thừa nói tất cả thiền định đều có công năng phát sanh thân thông.

Kinh chép: Bồ-tát hoặc đắc năm thông, hoặc đắc sáu thông, gồm có hai nghĩa:

1. Khi mới thực hành Bồ-tát chỉ đắc năm thông.
2. Bồ-tát pháp thân đắc sáu thông.

Lại, Bồ-tát đã hết phiền não nhưng vẫn còn thân phàm phu nên nói đắc sáu thông. Nhưng so với Phật vẫn còn chút tập khí nên nói đắc năm thông.

Câu kệ kệ: “Chấp tay trụ thiền định”: là nói về động tĩnh như nhau, tức là tĩnh mà có thể động, tâm an trong thiền định thì động thân chấp tay, miệng khen ngợi đấng Pháp Vương.

Nên, Kinh Tịnh Danh chép: Không khởi diệt định mà thể hiện các oai nghi.

Nước Tần có người biết sách tiếng Phạn chép: Nước ngoài gọi là an thiền, Hán dịch là chấp tay, vì vậy nêu cả hai nghĩa. Chính là thuộc về Tuệ hạnh, chẳng phải thiền môn. Nay cho rằng không đúng, nếu nêu cả hai thì trong văn thành phiền phức, giả sử muốn thành lời kệ thì phải nói rằng: “Cung kính chấp tay”, không thể một việc mà trình bày cả hai.

“Lại thấy có Bồ-tát, trí sâu chí bền chắc, thưa hỏi pháp với Phật, nghe hiểu mới thọ trì”: đây là phần kệ tụng nói về tuệ hạnh. Tuệ có ba loại:

1. Bậc nhất nghĩa Tuệ
2. Tuệ biết năm minh thế gian
3. Tuệ độ chúng sanh.

Nay trong ý văn thì đủ cả ba nhưng chưa nói về độ chúng sanh.

“Lại thấy có Phật tử, định tuệ đều đầy đủ, dùng vô lượng thí dụ, vì chúng mà giảng pháp”: đây là nói về ba nghiệp làm lợi ích. Có người chép: Vẫn thuộc về Bà-nhã độ, trước nói trên câu Chư Phật, nay nói dưới lợi chúng sanh, trong sáu độ thì phần đầu, phần sau nói rộng, phần giữa nói lược.

Có người chép: Trước nói Bà-nhã rồi, nay nói về phương tiện Ba-la-mật, làm sao biết? Phẩm Phát Thú trong kinh Đại Phẩm chép: Địa thứ bảy gọi là Đẳng định tuệ địa, địa thứ bảy thuộc về phương tiện, nay vẫn có định tuệ đầy đủ, tức là định tuệ bình đẳng, nên biết thuộc về phương tiện.



Nay nói về ba nghiệp làm lợi ích, tức là các thứ tướng mạo, thân miệng hiện bên ngoài gọi là tướng, ý nghiệp bên trong cũng nói lên gọi là mạo. Hai câu kệ đầu là nói về bậc Thánh nói pháp, tức miệng nghiệp làm lợi ích chúng sanh, kế có một bài kệ nói bậc Thánh vắng lặng:, tức là ý nghiệp lợi ích chúng sanh.

Kế có một bài kệ nói: “Ở rừng phát ánh sáng: là thân nghiệp cứu giúp. Lại nữa, ba nghiệp này làm lợi ích ba hạng người, ban đầu lợi ích Bồ-tát là thượng phẩm, kế đến là lợi ích trời, rồng là trung phẩm, sau cùng cứu vớt địa ngục là hạ phẩm. Lại nữa, hai lợi đầu là đại từ ban vui, lợi sau là đại bi cứu khổ, hai phần đầu là lợi ích trời người, phần sau là cứu vớt đường ác.

“Định tuệ đều đầy đủ”, là tịch chiếu tròn đầy, tức bên trong có đủ đức để nói pháp. “Dùng vô lượng thí dụ”, bên trong đã tịch chiếu tròn đầy, bên ngoài có biện tài vô ngại. “Ưu thích nói giáo pháp, chỉ dẫn các Bồ-tát”, thích sở đắc của mình, vui vì ban lợi ích cho bạn đồng hành. “Phá dẹp các binh ma, mà đánh rền trống pháp”, trên là nói lợi ích cho người, nay nói phá các tà kiến. Ma là bốn ma, binh chúng là mười quân. Bồ-tát nói pháp giúp người đắc đạo, phá ma phiền não mà được pháp thân, nên phá trừ ma năm ấm. Do hai việc đắc đạo và pháp thân nên phá ma chết. Do đắc Tam-muội Bất động nên phá trừ ma trời. Nói mười quân, tâm dục là quân thứ nhất, cho đến tự cao khinh người là mười quân. Dùng giáo pháp làm dùi, dùng lý làm trống, dùng lời khuyên nói là đánh rền.

“Lại thấy các Phật tử, không hề có ngũ nghĩ,v.v...”, đây nói về hạnh sáu độ vô phương, tức là các thứ tin hiểu. Nói chữ vô phương gồm có hai nghĩa:

1. Thích ứng cơ duyên trước sau không nhất định.
2. Căn tánh chẳng phải một nên việc làm không như nhau.

Nói sáu độ là gồm sáu hạnh, đây nói về hạnh tinh tấn, tinh tấn là gốc của các đức, Bồ-tát nghe việc này cho nên phát khởi thì gọi là hành. Luận Thành Thật chép: Thân tâm mờ tối nặng nề gọi là thùy, nhiếp tâm lìa giác gọi là miên. Luận Tỳ-đàm chép: có số Thùy miên riêng Mê đấm cảnh ở trước nên gọi là thùy, thân tâm mê muội duyên theo cảnh giới gọi là miên. Đại thừa cho rằng tất cả mê đấm hôn mê đều gọi là thùy miên, tâm Bồ-tát không đấm nhiễm thì gọi là không hề thùy miên, không động mà du hành gọi là kinh hành, niệm niệm thường tu tập vô sanh chánh quán gọi là Tinh tấn.

Hỏi: Trên có nói về tinh tấn, so với ở đây có gì khác?

Đáp: Trên là nói về siêng năng, nay là nói về dứt lỗi, trên nói về tĩnh tọa, nay nói về kinh hành. “Cũng tu đủ giới đức”, đây nói về giới hạnh, tinh tấn là siêng năng các hạnh, giới là nền tảng của muôn đức, trong đây ngăn ngừa phạm phũ, Nhị thừa có sở đắc xấu ác nên gọi là giới, giữ giới trọng gọi là đầy đủ giới. Không phạm điều ganh ghét xứng hợp oai nghi không thiếu sót, đối với giới có ba loại:

1. Thanh tịnh như châu báu.
  2. Tròn đầy không thiếu nên gọi châu báu.
  3. Giới đáng quý trọng nên như châu báu
- Hỏi: Trên đã nói về giới, so với đây có gì khác?

Đáp: Trên đã nói về việc khó xả mà xả được nên xả bỏ nhà cửa, nay nói về việc khó giữ mà giữ được, oai nghi không thiếu sót. Lại nữa, xuất gia là bắt đầu, giữ giới là kết thúc. Lại nữa, trên nói riêng về vị vua chúa, nay nói chung tất cả. “Lại thấy các Phật tử, an trụ sức nhẫn nhục”: đây là nói về độ nhẫn nhục. Trong đây nói Bồ-tát nhẫn nhục, vì thấy có chúng sanh nên có thể chịu đựng được, vì biết chúng sanh rất ráo không sanh gọi là vô sanh nhẫn, pháp nhẫn cũng vậy. Kinh A-hàm chép: Có sáu thứ lực:

1. Trẻ con lấy khóc làm sức mạnh, khi muốn đòi hỏi việc gì trước là khóc.
2. Người nữ dùng giận dữ làm sức mạnh, khi muốn đòi hỏi việc gì trước là giận dữ.
3. Quốc vương lấy kiêu ngạo, giàu sang làm sức mạnh.
4. La-hán lấy tinh tấn làm sức mạnh.
5. Chư Phật lấy đại bi làm sức mạnh.
6. Tỳ-kheo lấy nhẫn nhục làm sức mạnh.

“Bị kẻ tăng thượng mạn, mắng chửi và đánh đập”, đây là thmaß phá Tiểu thừa, người Tiểu thừa chấp chặt tự cho mình đã rất ráo, gọi là tăng thượng mạn, cây roi đánh ngựa gọi là quất, đánh.

Hỏi: Trên đã nói về nhẫn, so với đây có gì khác?

Đáp: Trên nói về ức chế tình thức bên trong gọi là an khổ nhẫn, nay nói không động bởi duyên bên ngoài gọi là tha không lợi ích nhẫn, trên chỉ nói Tỳ-kheo, nay nói chung cả đời và đạo, trên nói ở trong rừng suối, nay nói ở cả thành ấp. “Lại thấy “Bồ-tát, xa rời sự vui chơi, v...”, đây nói về hạnh thiền định. Xa rời sự vui chơi là tránh xa duyên tạp loạn. “Tránh quyến thuộc si mê”, bởi chúng sanh chưa thể độ được. Hai câu xa rời này là nói về thân xa rời, “nhất tâm trừ não động” là nói về tâm xa rời. “Trải ngàn muôn ức năm, để cầu chứng Phật đạo”, đây

là nói về ý tu tập thiền định. Kinh Tịnh Danh chép: Không ở nơi ba cõi mà hiện thân, ý, đó là Bồ-tát thiền, do thấu đạt thân tâm xưa nay là bốn bất, không thấy thân ý, không bị thân ý làm loạn động. Khác với Thiền độ trên: Ở phần kệ trên nói tu thiền đắc quả, nay chỉ nói nhân hạnh tu tập vắng lặng, ở trên nói người lợi căn thấy rõ lý, nay nói hạng độn căn dựa vào thầy hướng dẫn. Hoặc thấy vị Bồ-tát, dâng thức ăn ngon quý, cùng trăm thứ thuốc men, lên cúng Phật và Tăng, v.v...”, đây là nói về độ bố thí. Kinh Niết-bàn chép: Nếu khởi tâm Nhị thừa không bố thí, đó là phá giới tà kiến. Nếu dùng tâm phàm phu thấy có người cho, vật cho và người nhận, cũng là phá giới, tà kiến. Nay hiểu rõ ba việc là tự nhiên mà thường vắng lặng, chính là siêu phàm nhập Thánh, là giữ giới, chánh kiến bố thí. Có năm phần riêng:

1. Bố thí thức ăn và thuốc men.
2. Bố thí y phục
3. Bố thí giường ghế, mền nệm.
4. Bố thí vườn rừng.
5. Một bài kệ tổng kết ý bố thí

Nói thức ăn ngon, đó là thịt xắt nhuyễn, kinh này chưa chế không được ăn thịt, nên nói Bồ-tát bố thí thịt. Từ phẩm Tứ Tướng trong kinh Niết-bàn trở đi là đã dứt ăn thịt, đến phẩm Đại Chúng Vấn có việc Thuần-đà đem các thức ăn ngon đến, vì Thuần-đà trở về nhà từ phẩm Ai Thán, nên đến phẩm Tứ Tướng không nghe chế giới. Phẩm Đại Chúng Vấn chép: Thức ăn không khác, đồng biến thành thức chay. “Y phục quý giá ngàn muôn”: ca sa của ngài Ca-diếp trị giá mười muôn lượng vàng, được dâng lên Phật. Kỳ Vực dâng Phật y nhuộm màu ngọc báu cũng giá trị mười muôn lượng vàng, Phật dạy ngài A-nan cắt rọc may thành ca sa khác với bố thí độ ở trên là: Trước nói bố thí cho bốn loài, nay nói cúng dường Ba Bảo nên có khác nhau, trên nói về nội thí ngoại thí, nay chỉ nói tài thí. “Lại thấy vị Bồ-tát, giảng nói pháp vắng lặng”, đây nói về Bát-nhã độ, gồm có ba hạng người: Ban đầu nói về pháp vắng lặng tức là diệu pháp nhất thừa trong kinh này, vì thế phẩm Phương Tiện chép: “Các pháp từ xưa nay, tướng thường tự vắng lặng”. Dùng đủ lời hướng dẫn, dạy vô số chúng sanh”, như Bồ-tát Đàm-vô-kiệt dùng sáu trăm muôn ức pháp môn để nói cho Thường Đề. Lại như ngài Tịnh Danh dùng ba cấp để nói về không hai:

1. Các Bồ-tát dứt hết các hai mà nói không hai, chưa nói về không hai vô ngôn
2. Ngài Văn-thù tuy nói không hai vô ngôn, mà còn nói ở không

hai.

3. Ngài Tịnh Danh nói không hai vô ngôn, mà có thể vô ngôn ở không hai. Cho nên chép: “dùng đủ lời hướng dẫn”. “Hoặc có vị Bồ-tát, quán sát các pháp tánh”, đây nói về hạnh quán pháp, do tánh của tất cả các pháp vốn chẳng có hai tướng, tức nói lên chỉ có Nhất thừa. “Lại thấy các Phật tử, tâm chẳng hề chấp đắm”, đây là nói về hạnh không mê đắm. Trước nói hiển bày Nhất thừa, nay phá chấp Ba thừa, trước nói không hai, nay cũng chẳng chấp không hai. Kinh Hoa Nghiêm chép: Chẳng đắm chấp pháp không hai, do không có một và hai. Lại nữa, hợp ba hạng người thành hai, ban đầu nói người tu Bà-nhã, kế là nói người thực hành Bát-nhã. Nói Trung đạo không ngoài ba cấp, như nhập pháp môn không hai, thực hành Trung đạo không ngoài hai quán pháp:

1. Quán không hai.

2. Quán không mê đắm.

Trên nói về bậc Thánh nói pháp, nay nói về bậc Thánh im lặng.

Hỏi: Kinh nói về mười độ, so với sáu độ có khác nhau?

Đáp: Trong kinh chia ra hai đoạn:

1. Ba độ trước lấy phương tiện làm bạn.

2. Ba độ trước làm bạn với ba độ sau, nguyện làm bạn với tinh tấn, lực làm bạn với thiền, trí làm bạn Tuệ.

Gọi chung là Độ gồm có:

1. Thời độ, nghĩa là đủ ba A tăng kỳ kiếp.

2. Quả độ, là đắc quả Bồ-đề.

3. Thanh tịnh độ, là suy xét cùng tận thật tướng.

Trong mỗi độ gồm có bốn trường hợp:

1. Là thí chẳng phải trong hai tăng kỳ kiếp đầu thực hành bố thí.

2. Là độ chẳng phải thí, tu tập các hạnh khác trong tăng kỳ kiếp thứ ba.

3. Vừa độ vừa thí, trong tăng kỳ kiếp thứ ba thực hành bố thí.

4. Chẳng phải thí chẳng phải độ, tu tập các hạnh khác trong hai tăng-kỳ kiếp đầu.

“Thừa Bồ-tát Văn-thù, lại thấy vị Bồ-tát, sau khi Phật diệt độ, cúng dường Xá-lợi Phật”. Đây là phần kệ tụng nói về Bồ-tát xây tháp.

Hỏi: Vì sao hai đoạn trước đều nói về Bồ-tát?

Đáp: Muốn nói lên từ lúc nói kinh Pháp Hoa trở đi, đến Niết-bàn đều là nhiếp ngọn về gốc, không có khác nhau giữa năm thừa, nên đều là Bồ-tát.

Hỏi: Vì sao trước nói Bồ-tát, nay nói Niết-bàn?

Đáp: Gồm có ba nghĩa:

1. Muốn nói Bồ-tát thực hạnh nhân mà được quả niết bàn.
2. Muốn nói lên Pháp Hoa là giáo pháp rốt ráo, nói pháp rốt ráo rồi liền nhập Niết-bàn.
3. Nói Pháp Hoa rồi nhập Niết-bàn, khiến chúng sanh lúc ấy luyến tiếc, sau nghe pháp nhất thừa thì liền tin nhận.

Hỏi: Vì sao có hai chương nói về Bồ-tát?

Đáp: Ban đầu nói lúc Thế tôn còn tại thế tu hạnh Bồ-tát, nay nói sau khi Phật diệt độ tu hạnh Bồ-tát. Lược nên hai môn này để gồm nhiếp tất cả hạnh. Trong văn có bảy hàng kệ chia làm hai phần: 1. Một hàng nói về cúng dường Xá-lợi, như sau khi Đức Thích-ca nhập Niết-bàn. Từ rừng Sa-la đem Phật về chùa Thiên Quan an trí bảy ngày mà cúng dường toàn thân Phật, đợi sau bảy ngày ngài Ca-diếp về mới hỏa táng, cúng dường thân đã nát vụn chính là xây tháp cúng dường. Lại nữa, cúng dường Xá-lợi gồm có hai cách:

1) Cúng dường trực kế không xây tháp, dùng hợp bằng bảy thứ báu đựng Xá-lợi như cúng dường thân Phật.

2) Dựng tháp cúng dường.

1. Có sáu hàng kệ nói về xây tháp miếu.

Hỏi: Người phàm phu ở thế gian cũng có xây tháp, có gì khác so với xây tháp ở đây?

Đáp: Bồ-tát biết tháp là do nhân duyên tạo thành, tức là tánh vắng lặng, tuy có vận dụng mà thật không có làm, tức đầy đủ bốn trí, trong sáu hàng kệ lại chia làm hai phần:

1. Bốn hàng kệ đầu là nói về xây tháp.

2. Hai hàng kệ sau là giải thích nghi ngờ.

Bốn hàng kệ đầu chia ra như sau: Hàng kệ đầu nói về xây tháp, hàng kệ thứ hai nói về chiều cao chiều rộng, hàng kệ thứ ba nói về trang hoàng tháp. Hàng kệ thứ tư nói về cúng dường tháp. Bồ-tát xây tháp gồm có hai nghĩa:

1. Cúng dường Xá-lợi.

2. Lợi ích chúng sanh.

Ba hàng kệ trên nói về cúng dường Xá-lợi, một hàng kệ sau nói về trời rồng cúng dường, tức lợi ích cho chúng sanh. Kế là giải thích nghi ngờ, trên nói tô điểm cõi nước, như vậy xây tháp chính là làm trang nghiêm cõi nước chẳng phải cúng dường pháp thân.? Vì thế nay nói vì tôn trọng pháp thân mà cúng dường Xá-lợi, cõi nước tự nhiên tốt đẹp trang nghiêm.



Nói “Như cây Thiên thọ vương, bông hoa đang bùng nở”, đó là dùng thí dụ để giải thích sự tốt đẹp. Hoa nở vốn vì kết trái, mà cây tự nhiên trang nghiêm, xây tháp vốn là cúng dường thân Phật, mà cõi nước tự nhiên tốt đẹp.

Lại nữa, giải Thích-cây nở hoa, là vô tâm khiến người ưa thích, nên người tự nhiên ưa thích; xây tháp là vô tâm trang nghiêm cõi nước, mà cõi nước tự nhiên trang nghiêm, cũng là dùng thí dụ đây để giải thích sự tốt đẹp trang nghiêm đã nói trên mà thôi.

Cây thọ vương nở hoa là tốt đẹp đáng ưa thích, cõi nước có tháp cũng là tốt đẹp mẫu nhiệm.

“Phật phát ra ánh sáng sáng”, từ câu kệ này trở xuống là nói cầu xin giải đáp, văn gồm có hai phần:

1. Thấy điềm lành sanh nghi nên xin giải đáp.
2. Suy lường về điềm lành chưa rõ nên xin giải đáp.

Sở dĩ có hai phần này là do trước nay thấy nghe mà không rõ nên xin giải đáp, trong tâm suy lường cũng chưa hiểu được nên lại xin nữa, vì thế chia làm hai phần thưa thỉnh. Ban đầu nói thấy nghe mà không rõ là bao gồm cả đại chúng, kế nói suy lường mà chưa hiểu là nói riêng ngài Di-lặc, do đại chúng chưa thể suy lường, còn ngài Di-lặc thấy tướng mà không rõ, chưa thể quyết định được nên xin giải đáp, vì có hai người nên chia thành hai lần thỉnh. Lại nữa, sở dĩ chia ra làm hai nghĩa này, bởi lúc đầu từ phạm phu cho đến bậc Bồ xứ đều thấy điềm lành mà sanh nghi, lại suy lường mà chưa hiểu, nên biết điềm lành là phi thường biểu hiện pháp được nói phải là lớn, tất cả đều kinh hãi mà sanh ý tưởng khó gặp, khiến sau khi nghe pháp liền tin nhận. Trong văn lại chia làm ba ý:

1. Ba bài kệ đầu nói việc nghi ngờ dẫn đến xin cầu.
2. Một bài kệ kế nói ý đại chúng xin đáp.
3. Một bài kệ sau là xin thúc dục đáp.

Hai bài rưỡi kệ là nêu việc nghi ngờ, nửa bài kệ sau là xin đáp. Trên nói hiện ba điềm lành, nay chỉ nêu việc phát ra ánh sáng, là do trong ánh sáng hiện ra nhiều việc, ánh sáng cũng là gốc của các điềm lành.

Hỏi: Vì sao nói ánh sáng hai lần?

Đáp: Muốn nói lên ba điềm lành có chung và riêng, mưa hoa, đất rung chuyển chỉ hiện ở cõi này, điềm lành phát ra ánh sáng là bao gồm cõi này và cõi khác.

Hỏi: Mưa hoa, đất rung chuyển hiện vang cõi này có ý nghĩa khác

nhau không?

Đáp: Nói theo văn, mưa hoa chỉ có ở hội này, nên nói rằng: “Rải trên Phật và đại chúng” Đất rung chuyển thì nói rằng: “Thế giới này sáu lần rung chuyển”, ánh sáng chiếu cả cõi này cõi kia, như vậy thì điềm lành mưa hoa là giới hạn nhỏ nhất, kể đến là đất rung chuyển, sau là ánh sáng chiếu khắp.

Hỏi: Vì sao có ba cấp bậc này?

Đáp: Nay nói Pháp Hoa chính là khiến bốn chúng trong hội này ngộ đạo, nên mưa hoa chỉ rơi một chỗ, cũng khiến cho trời, người trong sáu đường ở cõi Ta-bà do đức Thích-ca đứng đầu đều ngộ đạo, nên một thế giới mà sáu lần đất rung chuyển, đem kia hiển đây nên có ánh sáng chiếu cõi khác.

Hỏi: Vì sao đoạn văn này chỉ khen ngợi ánh sáng?

Đáp: Gồm có hai nghĩa:

1. Muốn khen ngợi thần thông ít có của Phật, tức khen ngợi Phật thừa khiến người bốn thừa vui thích kính mến.

2. Muốn biểu hiện nói Nhất thừa nên khen ngợi một điềm lành ánh sáng.

“Bốn chúng đều mong đợi”: đây là nói ý đại chúng muốn cầu giải đáp. “Nhìn ngài và nhìn tôi, tôi hỏi xin Ngài đáp, giải nghi cho chúng mừng, Phật phát ra ánh sáng như thế, được những lợi ích gì”: đây là nghi vì sao phát ra ánh sáng này, hỏi ánh sáng mở rộng những gì? “Bồ-tát kịp thời đáp”, đây là xin làm lợi ích, do nghi là giải thích liền được lợi ích nên xin cầu Bồ-tát kịp thời đáp.

“Khi Phật ngồi đạo tràng, chứng pháp được sâu mầu”, đây là ngài Di-lặc suy nghĩ về điềm lành. Nếu ngài Di-lặc không biết, thì cũng như người Nhị thừa phàm phu và các Bồ-tát ở địa vị thấp đâu có gì khác. Nhưng ngài đã là địa vị Bồ xứ, suy nghĩ biết Phật nói pháp lớn, nhưng chưa biết nói pháp gì nên cầu giải đáp mà thôi, văn này có ba ý:

1. Suy lường điềm lành biểu hiện sắp nói pháp lớn.

2. Suy lường biểu hiện điềm lành chẳng phải uyên nhỏ.

3. Chưa dám quả quyết nên lại xin giải đáp nữa.

Phật ngồi đạo tràng chứng pháp sâu mầu là quả Nhất thừa, sắp thọ ký là nói nhân của Nhất thừa. Lại nữa, Phật ngồi đạo tràng là nói lên Nhất thừa, sắp thọ ký là phá ba thừa.

Hỏi: Ngài Di-lặc suy lường có đúng với tướng hiện điềm lành hay không?

Đáp: Đúng là phù hợp, phát ra ánh sáng là biểu hiện nói quả đại

tuệ bình đẳng, vì thế nói Phật ngồi đạo tràng chứng pháp sâu mầu. Mưa hoa, đất rung chuyển là biểu hiện chúng nghe pháp được thành Phật, vì thế nói thọ ký. Thọ ký ba hạng căn cơ, trong ba châu phẩm Pháp Sư nói thọ ký chung cho tất cả phàm phu, nhưng phát ra ánh sáng là biểu hiện chứng quả pháp ở đạo tràng, vậy ngài Quang Trạch không nên nói phần đầu kinh là nói về nhân, sẽ mất đi ý điềm lành phát ra ánh sáng. Trong phần biểu hiện điềm lành, ban đầu hiện y báo của Phật, sau hiện chánh báo, tức là thấy Chư Phật. Điềm lành biểu hiện là nói cả y báo chánh báo của Phật, tức biểu hiện chính là nói quả Phật, chẳng phải nói về nhân, cho nên chỗ biểu hiện bao gồm cả nhân quả, có thể biểu hiện y báo chánh báo. Trong ba câu kết thúc lời xin có lặp lại ý đại chúng, một câu nói về tông chỉ của điềm lành. Ngài Quang Trạch chép: Ngài Văn-thù có bốn thứ điều phục khó để ngăn lời xin, ngài Di-lặc giải thích bốn điều khó để trình bày sự nghi ngờ. Nay cho rằng bốn điều phục khó này là ý cạn mà văn quanh co, phải nên bỏ đi. Ngài Di-lặc đạo thấp mà còn thấy rõ đại chúng nghi ngờ, hướng chi là ngài Văn-thù đức cao đâu thể nói không thấu đạt! Ngài Di-lặc tự nghi ngờ và thêm đại chúng nghi chính là hợp lý, đâu có gì khó thông. Nếu văn này là giải thích điều khó, thì phần sau ngài Xá-lợi-phất xin rằng: “Thời là như thật nói”, cũng phải là giải thích điều khó. Đoạn sau không đúng, thì nay đâu phải giải thích điều khó.

“Lúc bấy giờ, ngài Văn-thù Sư Lợi nói với ngài Di-lặc cùng các vị đại sĩ rằng, v.v...”, đây là ngài Văn-thù giải đáp, tức phần thứ sáu “giải đáp tựa”. Trước nói dùng cõi kia nói lên cõi này, nay ngài Văn-thù đem việc xưa để làm chứng việc ngày nay. Đem cõi kia hiển bày việc cõi này, tức là đức Thích-ca phát ra ánh sáng, ngài Di-lặc nói kệ, đem bày việc ở phương khác mà nói lên cõi này nên nói pháp Nhất thừa. Ngài Văn-thù đem việc xưa để làm chứng việc ngày nay, tức là nói Phật xưa nói trước, đức Thích-ca thuận theo nói sau.

Hỏi: Vì sao đem cõi kia hiển bày cõi này, đem việc xưa làm chứng việc nay?

Đáp: Đem kia hiển địa, là muốn nói lên Chư Phật mười phương có đạo giống nhau: dẫn việc xưa làm chứng việc nay, là nói Phật pháp ba đời chẳng khác nhau. Sở dĩ nói như vậy, là do tâm Tiểu thừa khó bỏ mà Đại pháp khó tin.

Hỏi: Vì sao đức Thích-ca phát ra ánh sáng mà ngài Di-lặc nghi ngờ, ngài Văn-thù giải đáp?

Đáp: Đức Thích-ca hiện điềm lành nghĩa là Phật hiện tại, ngài Di-

lặc nghi ngờ tức là Phật vị lai, ngài Văn-thù giải đáp là Phật quá khứ, ba vị Thánh đồng hội Linh Sơn, cùng khai phát đạo Nhất thừa. Ba vị Phật nói có thứ lớp, Phật hiện tại hiện điềm lành là nói lên nói quả thừa rồi ráo, Di-lặc là người ở địa vị nhân tương lai còn chưa thấu đạt quả thừa, cho nên Phật đương lai phải nghi ngờ, cầu Phật xưa thông đạt việc xưa, tức Phật quá khứ giải thích điều nghi. Tuy có ba vị Phật nhưng chỉ có hai việc, Phật hiện tại hiện điềm lành là thần thông luân, ngài Di-lặc hỏi, ngài Văn-thù đáp là nói pháp luận, tức là dùng tay áo, bàn ghế cứu con ra khỏi nhà lửa. Lại nữa, ban đầu là Phật phương tiện, chính là muốn nói giáo, hai Phật sau là Bồ-tát phương tiện, phát khởi giáo pháp. Lại nữa, đức Thích-ca là Hòa thượng, Văn-thù là A-xà-lê, Di-lặc là Giáo thọ sư, ba vị này là Bồ-tát Giới sư của chúng sanh trong hai đời, cùng mở rộng đạo Nhất thừa để lợi ích chúng sanh. Lại nữa, ba vị này thời quá khứ đã cùng học kinh Pháp Hoa với Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, nay muốn báo ân Đức Phật nên cùng khai pháp Nhất thừa. Văn chia làm hai phần, ban đầu là chánh đáp, sau có hai phần kệ là khai phát tâm sanh và sau Phật tự nói tức từ câu: Các người nay sẽ biết” trở xuống phần đầu chánh đáp cũng có hai phần là văn xuôi và kệ tụng, văn xuôi gồm có bốn phần:

1. Đáp môn khiêm nhường.
2. Dẫn việc để lược đáp.
3. Rộng dẫn việc xưa làm chứng việc nay.
4. Kết thúc lời đáp rõ ràng.

Bốn lời đáp này là từ ẩn đến rõ, lần lượt giải thích. Ngài Di-lặc đạo đã cao mà còn suy tôn ngài Văn-thù, nên ngài Văn-thù phải khiêm nhường. Tuy ngài Văn-thù nói tự mình suy lường mà biết nhưng chưa có việc để làm chứng, vì thế dẫn việc quá khứ để trả lời. Nhưng dẫn chung việc quá khứ chưa biết là vị Phật nào, nên dẫn riêng Phật Đăng Minh. Dẫn việc xưa để làm chứng việc nay, nay cần gì phải giống xưa, vì thế phần thứ tư có kết thúc lời đáp rõ ràng. Nói đáp môn khiêm nhường, bởi ngài Văn-thù tích ở địa vị tu nhân, trí vẫn chưa mãn,, mà nay muốn dùng thấp để suy lường cao, nên phải khiêm nhường. Lại nữa, ngài Di-tặc hoài nghi, ngài Văn-thù suy lường, tức biết việc sắp biểu hiện là lớn, tăng thêm tâm cung kính của đại chúng. Lại nữa, pháp của bậc đại nhân chỉ bày không có tự cao, kiêu căng ngạo mạn nên tuy hiểu mà khiêm nhường.

“Ngài Văn-thù Sư Lợi”: là nêu người chủ năng đáp “nói với ngài Di-lặc”: là người đối chất nghi vấn. “Cùng các vị đại sĩ”, là tám muôn

Bồ-tát từ ngài Di-lặc trở xuống. “Các người thiện nam”, là bốn chúng Thanh văn, Trời rồng tám bộ chúng.

“Như nay ta xét nghĩ”: là nói lời khiêm nhường, chữ tư là suy nghĩ, chữ thốn là tìm cầu.

“Nay đức Thế tôn,v.v...”, là việc suy lường phát xuất ra, sách xưa chép: Trong năm câu dưới đây thì hai câu trước và sau đều là nói một pháp, ba câu giữa là ví dụ, năm câu gồm có:

“Muốn nói pháp lớn”, đây là đoạn đầu kinh bỏ Ba thừa bày Nhất thừa.

“Nói nghĩa pháp lớn”, là đoạn sau kinh bỏ gần bày xa. Lại nữa, đoạn đầu lược bỏ ba bày một, đoạn sau lược bỏ gần bày xa. Nói nghĩa pháp lớn, là ban đầu rộng bỏ ba bày một, về sau rộng bỏ gần bày xa.

“Tuôn mưa pháp lớn”: đây là nằm trong ba câu thí dụ, bao gồm hai nghĩa sau:

Thối loa pháp lớn, thối loa là để đổi danh hiệu, tức dụ cho đổi danh hiệu ba thừa.

Đánh trống pháp lớn, đánh trống là dạy binh lính ngay ngắn, ví dụ cho lý thật tướng để bỏ danh hiệu ba thừa, tức mở bày pháp môn phương tiện.

Nói lý thật tướng tức nói lên nghĩa chân thật, đoạn sau là bỏ danh hiệu gần để bày lý xa. Nói tuôn mưa pháp lớn là thấm ướt cây khô Nhị thừa, để sanh trưởng hiểu biết về Nhất thừa, chung cho cả hai đoạn trên.

Nay y theo văn kinh hợp năm câu này chia ba loại:

1. Nói về thể của Đại pháp tức câu đầu.
2. Nói về dụng của Đại pháp tức là ba câu giữa
3. Câu sau nói về nghĩa của Đại pháp.

Chỉ nói ba nghĩa này, bởi muốn nói thì phải đủ ba thứ:

1. Giáo thể
2. Giáo dụng
3. Giáo tiểu biểu lý

Vì thế chỉ nói ba việc. Thể của Đại pháp, nghĩa là Phật muốn nói thừa phương tiện, thừa chân thật, thân phương tiện và thân chân thật. Mưa tuôn pháp lớn là nói về dụng của Đại pháp. Trong ba thí dụ trên gồm có bốn dụng, thí dụ mưa là có hai dụng năng sanh và năng diệt. Thí dụ thối loa và đánh trống là có hai dụng xa đều nghe và vui mừng. Nói mưa lớn, giáo pháp Tiểu thừa chưa viên, chẳng phải lý rốt ráo, do gieo trồng chờ đợi thấm nhuần thường khổ, chẳng đủ. Giáo pháp Đại thừa chẳng gì không viên, lý chẳng gì không cùng cực, do mưa thường

giáng xuống không đâu chẳng thấm nhuần, đều được như nguyện, đây đối việc nhỏ để nói việc lớn, vì thế nói tuôn mưa pháp lớn. Mưa có hai nghĩa là năng diệt và năng sanh.

1. Năng sanh nghĩa là lúc mưa chưa rưới xuống đất, tuy có hạt giống mà không nảy mầm được, mầm đã nảy rồi không thêm lớn, chẳng những không lớn mà còn khô héo. Mưa pháp đã ướm khiến người chưa phát tâm lớn liền phát tâm, tức bỏ Tiểu thừa vào Đại thừa; người đã phát tâm liền được thêm lớn, tức người thẳng đi. Người đã thêm lớn liền được thành tựu, tám đời, một đời sẽ đắc quả. Phật. Người đáng lui sụt mà không đọa lạc tức là Bồ-tát đã dứt hết lưới nghi

2. Năng diệt là mưa lớn diệt trừ được bốn thứ:

- a. Lấp bụi đất
- b. Diệt các dục
- c. Xua tan khí nóng
- d. Ngăn gió xấu

Mưa pháp cũng vậy:

- a. Diệt được bụi đất là ác giác quán của Nhị thừa, phàm phu.
- b. Diệt được các dục là ái kiến của Nhị thừa, phàm phu
- c. Xua tan khí nóng là thầy tà của Nhị thừa, phàm phu
- d. Ngăn gió xấu là tà giáo của Nhị thừa, phàm phu.

Thối loa pháp lớn, đánh trống pháp lớn, trên khen ngợi pháp lớn có dụng năng sanh năng diệt, nay khen ngợi pháp lớn có công năng vang xa, thích ứng căn cơ. Nước ngoài dùng loa và trống làm niềm vui cho thế gian có hai nghĩa:

1. Vui thích, có hai nghĩa.

a. Thỏa thích tâm Phật trong mười phương, như nay ta vui vẻ không sợ sệt.

b. Hợp ý căn tánh, như ba hạng Thanh văn và Di-lặc cùng mười hai hạng người được lợi ích vui vẻ.

2. Loa và trống vang xa, nói lên pháp lớn có công năng trùm khắp, như có ba hội. Ban đầu khiến hội Linh Sơn nghe pháp, kế đến là hội Tịnh độ, sau cùng thông đạt mười phương vô ngại nên mười phương được nghe, cho đến đời vị lai cũng được nghe. “Diễn ý nghĩa pháp lớn”, đây là nói về diễn ý nghĩa pháp lớn.

Hỏi: Trước đã nói về pháp lớn, so với nay có gì khác nhau?

Đáp: Trước nói về giáo pháp, nay nói về lý pháp, giáo pháp chỉ gọi là pháp, giáo biểu hiện lý gọi là nghĩa.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Nếu pháp vô ngại thì nghĩa vô ngại, tức là nói về giáo lý. Lại như kinh Niết-bàn giải thích bảy điều thiện, người biết pháp tức biết mười hai bộ kinh, người biết nghĩa thì biết nghĩa của mười hai bộ kinh biểu hiện.

Hỏi: Thế nào gọi là Pháp, thế nào gọi là Nghĩa?

Đáp: Giáo pháp Đại thừa có thể giải thích hai phương tiện, hai chân thật thì gọi là Giáo. Lý để giải thích lý sâu nói hai phương tiện, hai chân thật gọi là Nghĩa. Lại, hai phương tiện hai chân thật đều là giáo, chẳng phương tiện, chẳng chân thật, chẳng phải một, chẳng phải hai, đạo mâu nhiệm sâu xa vắng lặng, gọi là Nghĩa. Bởi đây là tông chỉ lớn của kinh, nên đoạn văn sau chép: Rốt ráo Niết-bàn tướng thường vắng lặng, hoàn toàn quy về không, không khác với kinh Đại Niết-bàn, nên biết Pháp Hoa là giáo pháp rốt ráo. “Các người Thiện nam”, đây là nêu việc lược đáp. Lúc ấy đại chúng nghi rằng: Vì sao ngài Văn-thù biết Phật muốn nói pháp lớn? Vì thế nay giải thích rằng: Vào thuở quá khứ tôi từng thấy việc này, nên biết Phật muốn nói pháp lớn. Bởi sợ đại chúng không tin nên chỉ ra việc quá khứ để trả lời, cũng còn là lời giải thích khiêm nhường, ngài Văn-thù tuy thông đạt, nhưng không nói sở hiểu biết của mình, mà chỉ suy lường việc xưa để trả lời, tức là giải thích khiêm nhường. Lại nữa, trước dùng trí hiện tại biết Phật sẽ nói pháp, nay dùng túc mạng trí mà biết Phật sẽ nói pháp, văn chia hai phần:

1. Dẫn việc xưa làm chứng việc nay
2. Nói việc nay so sánh với việc xưa.

Cho nên đoạn văn sau là dẫn việc nay so sánh với việc xưa. “Ai cũng đều nghe biết”, nghe là nghe giáo pháp, biết là biết lý. Nói về pháp khó tin, nếu nói chỉ cúi đầu, giơ tay đều thành Phật, thì có gì mà khó tin? Dù cho bậc La-hán thành Phật và chẳng phải khó tin, nay nói tất cả thế gian tâm hạnh có sở đắc, khi nghe không có sở đắc thì trái với tâm mình, vì thế sợ rằng khó tin. Nói không có sở đắc là không hề có một, vì sao lại chấp ba, do tâm không nhiễm ba, một, nên gọi là khó tin. Lại, giảng Pháp Hoa, người nghe không hề có ba thừa, Nhất thừa, liền cho là chân-đế chẳng phải Nhất thừa, nói Nhất thừa liền cho là muôn điều thiện, cho nên khởi hai kiếp chấp có, không, gọi là có sở đắc, nếu có thể xa lìa kiến chấp này thì gọi là không có sở đắc, tức tin hiểu Nhất thừa. Từ câu: “Các người thiện nam” trở xuống là rộng dẫn việc quá khứ để giải thích đáp. Giải thích đáp: Ở trên tụng đã dẫn quá khứ mà chưa biết là vị Phật nào, nên nay riêng dẫn việc ấy. Trên là nêu chung làm chương môn, nay rộng dẫn việc xưa là giải thích chương, văn có

hai phần:

1. Nói những việc quá khứ trước khi Phật nói Pháp Hoa.
2. Nói những việc ngay sau khi nói Pháp Hoa xong.

Sở dĩ chia làm hai việc này, do ở trên nói về Chư Phật ở phương Đông thì ngài Di-lặc chia làm hai việc, nay ngài Văn-thù dẫn việc Phật quá khứ thì cũng chia ra hai việc, muốn nói lên đức Thích-ca cũng có hai việc ấy. Trong hai chương này mỗi chương lại chia làm hai.

1. Nói vị Phật đầu tiên
2. Nói về tất cả Phật.

Phần đầu lại có ba ý:

1. Thời gian.
2. Bậc hóa chủ
3. Giáo môn

Luận Trì Địa nói về kiếp có hai loại:

1. Năm tháng không thể kể gọi là Tiểu A tăng kỳ kiếp, Bồ-tát có thể vượt qua.

2. Đại kiếp không thể đếm kể gọi là Đại A tăng kỳ kiếp, Bồ-tát không thể vượt qua.

Hỏi: Vì sao không dẫn việc gần mà nói việc ở kiếp lâu xa?

Đáp: Muốn nói lên Nhất thừa là pháp xưa, khiến chúng sanh tin hiểu. Lại nữa, thuở lâu xa ấy ba vị Thích-ca, Văn-thù và Di-lặc cùng ở trong hội đó, các thời gian khác không hẳn ở chung.

“Đức Phật ấy hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, đây là nói về bậc hóa chủ, vẫn chia ra hai phần:

1. Nói danh hiệu riêng.
2. Nói danh hiệu chung

- *Danh hiệu riêng*: là nói sự tu hành khác nhau của Chư Phật ứng tích có hơn kém danh hiệu chung là nói lên pháp thân Chư Phật vốn ngang với đức hạnh của Chư Phật.

Hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, Chú thích kinh rằng: Bậc Thánh không có danh hiệu mượn nghĩa để xưng gọi, người nhân thì gọi là nhân, người trí thì gọi là trí. Bậc hượng căn do sở đắc sáng như mặt trời, người trung căn do sở đắc sáng như mặt trăng, người hạ căn do sở đắc sáng như ánh đèn, cả ba căn giúp nhau sở đắc được sáng nên gọi là Nhật Nguyệt Đăng Minh.

Có người chép: Mặt trời dương mà động dụ cho tuệ phương tiện, mặt trăng âm mà lặng dụ cho tuệ chân thật, cả hai tuệ làm lợi ích chúng sanh như đèn sáng ở thế gian.



Lại nữa, mặt trời mặt trăng dụ cho định tuệ, lấy định tuệ làm đèn sáng.

Có người chép: Đức Phật này ra đời thân sáng như mặt trời mặt trăng, thường chiếu ở thế gian, làm đèn sáng cho thế gian.

- *Nói về mười hiệu của Phật*: các kinh nói không giống nhau. Chung thì gọi là hiệu, hiệu là hiệu lệnh, nói lên sự lợi tha, riêng thì gọi là danh, danh là có tự thể nhất định, tức là lợi mình. Lại nữa, chung và riêng đều gọi là hiệu, đều gọi là danh, nên nói hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, tên là Như lai Ứng Cúng.

Hỏi: Hiệu thì lấy gì làm thể?

Đáp: Hiệu là danh tự, theo luận Thành Thật thì danh hiệu là âm thanh nhiếp nhập pháp tánh. Theo luận Tỳ-đàm thì có riêng phi sắc phi tâm danh tự cú, hòa hợp với thanh nên có danh hiệu. Hoặc mười loại này là vì người mà lập hiệu, tức lấy người làm thể, nếu y theo đức cùng tốt để lập mười hiệu, thì phước tuệ làm thể.

Hỏi: Vì sao nói mười?

Đáp: Kinh luận nói không đồng nhau, kinh Anh Lạc chép: Từ hiệu thứ nhất là Như lai, đến hiệu thứ mười là Phật Thế tôn. Phật Thế tôn hợp chung thành một hiệu.

Luận Trí Độ chép: Hiệu thứ mười là Phật. Thế tôn là hiệu chung nằm ngoài mười hiệu.

Luận Thành Thật chép: Đây đủ chín hiệu trên thì gọi là Thế tôn.

“Giảng nói chánh pháp”, đây là nói về giáo môn, văn chia làm hai phần, gồm giáo Nhất thừa và giáo Ba thừa. Như trên dùng cõi kia bày cõi này, trước khi nói Pháp Hoa có hai giáo môn; nay dẫn việc xưa làm chứng việc nay, trước khi nói Pháp Hoa có hai giáo.

Hỏi: Vì sao Chư Phật ba đời khi sắp nói Pháp Hoa lại nói về hai giáo môn?

Đáp: Pháp Hoa đã gom ba thừa về một, thì trước phải nói do một nói thành ba. Như Chư Phật ba đời muốn nói Pháp Hoa thì trước phải nói kinh Vô Lượng Nghĩa, nhập định Vô Lượng Nghĩa là muốn nói lên nghĩa xuất, nhập lập ra giáo pháp thử chung. Giảng nói chánh pháp, diễn pháp Nhất thừa gọi là chánh pháp, ngài Di-lặc kể về Phật pháp ở phương Đông đã nói rộng, nay chỉ lược nói pháp.

Kế là nói về bảy điều thiện, do đủ bảy điều thiện nên gọi là chánh pháp, vì thế nêu bảy điều thiện để giải thích chánh pháp. Bảy điều thiện là bao gồm cả Đại thừa, Tiểu thừa để khen ngợi pháp luân căn bản. Thứ lớp bảy điều thiện khác nhau, có chỗ chép: Hợp sơ thiện khai

hậu thiện nên gọi là bảy:

1. Ban đầu
2. Chặng giữa
3. Rốt sau

Hợp cả ba gọi chung là thời thiện, hai là nghĩa thiện, ba là lời thiện, bốn là thuần một không xen lẫn, năm là đầy đủ, sáu là thanh tịnh mềm mại, bảy là tướng phạm hạnh, đây là ý của luận Thành Thật. Có người chép: Khai sơ thiện hợp hậu thiện, ba chặng là ba đời thiện, bốn là nghĩa thiện, năm là lời thiện, sáu là thuần một không xen lẫn, bảy là đầy đủ, tướng phạm hạnh thanh bạch thuộc vào thuần một không xen lẫn, đây là ý của luận Trí Độ và Chú giải kinh. Phẩm Ba Thiện trong luận Thành Thật nói về ba thời thiện rằng: Lúc tuổi trẻ nói pháp là sơ thiện, tuổi trung niên nói pháp là trung thiện, lúc tuổi già nói pháp là hậu thiện. Lại nữa, ban đầu xả tội, chặng giữa xả phước, chặng sau xả tất cả. Luận Trí Độ chép: Khen ngợi bố thí độ là sơ thiện, khen ngợi Giới là trung thiện, hai Ba-la-mật này có được quả báo hoặc sanh vào thời Chư Phật và làm trời, người gọi là hậu thiện. Lại nói Thanh văn là sơ thiện, Duyên giác là trung thiện, Bồ-tát là hậu thiện. Theo Kinh nói Thanh Văn và Bồ-tát đều có ba điều thiện. Ba điều thiện của Thanh văn là: Sơ thiện tức nghe pháp từ người khác, trung thiện như nói tu hành, hậu thiện là đắc chánh kiến của bậc Thánh. Lại nữa, sơ thiện là Kiến khổ mà dứt tập, trung thiện là tu đạo, hậu thiện là chứng diệt đế. Ba điều thiện của Bồ-tát là: Sơ thiện tức phát tâm Bồ-đề, trung thiện là không nhớ nghĩ Nhị thừa, hậu thiện là hồi hướng nhất thiết trí. Lại nữa, sơ thiện là thực hành sáu độ, trung thiện là phá trừ sáu tế vững chắc, hậu thiện là hồi hướng Nhất thiết trí.

Theo văn giải thích, thì trong một bộ pháp luân căn bản có ba phần tựa, chánh kinh truyền bá, làm ba điều thiện, bởi một bộ Đại thừa đều đủ ba phần này. Nếu so với giáo tử chung thì sơ thiện là căn bản pháp luận, trung thiện là pháp luân ngọn ngành, hậu thiện là thu nhiếp ngọn ngành trở về pháp luân căn bản.

“Ý nghĩa sâu xa, lời lẽ khéo mâu”: tự có lời lẽ tuy khéo mâu mà ý nghĩa cạn cợt, tự có ý nghĩa tuy sâu xa mà lời lẽ thô thiển, tự có cả hai, tự không có cả hai. Phật pháp cao mà không thấy đáy nghĩa là bật bốn câu gọi là sâu, ngang thì không thấy bờ mé, nghĩa là vượt trăm phi gọi là xa. Lại nữa, tâm hành diệt nên gọi là sâu, ngôn ngữ dứt gọi là xa, chính là ý nghĩa pháp luân căn bản như thế. Chú thích rằng: Thăm dò không thể hết gọi là sâu, xa vời không thể kịp gọi là xa.

Lời lẽ khéo mầu, nói mà thích hợp căn cơ gọi là khéo, lời có thể nói lên lý gọi là diệu. Chú thích chép: Vuông tròn không sai gọi là khéo, tìm cầu không thể thấy gọi là diệu. Thuần một không xen lẫn tức pháp luân căn bản, là thuần một đạo thanh tịnh, không xen lẫn nói pháp của năm thừa. Luận Trí Độ chép: Là ba độc như uế gọi là thuần nhất, chỉ nói chánh pháp không lẫn lộn phi pháp gọi là không xen lẫn, cũng là thanh tịnh. Luận Thành Thật chép: Pháp này gọi là Độc pháp, Phật có pháp này. Lại nữa, độc hành là sự đặc đạo trong Phật giáo mà thôi. Đầy đủ thiện là giáo lý tròn đầy của pháp luân căn bản, nói chung là Phật pháp không có ngăn ngại thiếu hụt. Luận Trí Độ chép: Bát Thánh đạo và sáu Ba-la-mật đủ thì gọi là đầy đủ thiện. Thanh bạch tức là: trên nói về thuần một chánh pháp không lẫn phi pháp, tức là nói về thể của giáo. Nay nói giáo pháp pháp luân căn bản có thể khiến xa lìa phiền não cấu uế của Nhị thừa phàm phu nên gọi là thanh tịnh, tức là dụng của giáo. Tướng phạm hạnh thanh bạch, phạm là Niết-bàn, tức pháp luân căn bản đại Niết-bàn, hạnh là muôn hạnh tức đến đại Niết-bàn. Nếu theo Tiểu thừa thì gọi là Tiểu niết bàn, hạnh là tám chánh đạo, tu tám chánh đạo sẽ đến Niết-bàn, mà tám chánh đạo đây là tướng của nhà Niết-bàn, nên nói rằng: tướng phạm hạnh. Lại nữa, phạm gọi là Niết-bàn thực hành hạnh Niết-bàn là phạm hạnh, nghĩa của hạnh rõ ràng thì gọi là tướng, giáo pháp là duyên của các hạnh, trong duyên nói quả nên nói là tướng phạm hạnh. Lại nữa, giáo pháp họ Thích có công năng giải thích phạm hạnh là tướng của nhà phạm hạnh. “Phật vì Thanh văn mà nói pháp Tứ Đế”, đây là nói về giáo pháp ba thừa, Phật xưa cũng có người không thể lãnh thọ pháp Nhất thừa, nên đối với Nhất thừa mà nói ba thừa. Theo tông chỉ của luận Tỳ-đàm thì thực hành hạnh Ba thừa, có khác nhau, mà cùng thấy Tứ đế để thành quả Ba thừa. Theo tông chỉ của luận Thành Thật thì hạnh Ba thừa đồng thấy Diệt đế mà thành quả Ba thừa. Nói Duyên giác quát sát nhân duyên, đây là do thời gian tu quán mà ngộ đạo, làm duyên xa mà thôi. Y theo Đại thừa thì cả ba thừa đồng quán thật tướng. Vì thế luận Chánh Quán có chép: Người đặc pháp thật tướng có ba hạng, vì căn tánh có lợi độn, thấy Không có sâu cạn nên chia làm ba hạng. Nay văn kinh chép: Thích ứng mà nói pháp Tứ Đế, căn cơ tương xứng với giáo pháp nên mới gọi là thích ứng. Từ câu: “Kế lại có Đức Phật” trở đi là nói về tất cả Phật.

Hỏi: Vì sao nói có hai muôn Đức Phật?

Đáp: Muốn dẫn nhiều vị Phật đời quá khứ để làm dẫn chứng, khiến đại chúng nghe pháp Nhất thừa liền tin nhận. Trong văn có bốn

câu hợp thành hai cặp, ban đầu gọi là đạo và họ tục giống nhau, Nhật Nguyệt Đăng Minh là tên đạo, họ Phả-la-đọa là họ của thế gian. Ba Tạng Chân-đế chép: Phả La đọa dịch là tiên nhân lợi căn, là một dòng họ trong sáu dòng Bà-la-môn. Lại dịch là Biện Tài, lại dịch là Mãn, Mãn chánh. Tôi đích thân nghe vị tăng người Thiên-trúc gọi là Nhĩ Mãn. Từ câu: “Ngài Di-lặc nên biết v.v...” trở đi là nói Phật có mười tôn hiệu và bảy pháp thiện. Các Đức Phật đều có mười hiệu và bảy pháp như nhau, tên đạo, họ thế gian và mười hiệu, ba câu này là nói người giống nhau, bảy pháp thiện là pháp giống nhau. Sở dĩ nói các việc giống nhau, là đạo đồng một thể, dẫn việc xưa so sánh việc nay là muốn nói nay Phật muốn nói pháp Nhất thừa. Từ câu: “Đức Phật rốt sau” trở đi là nói từ việc nói kinh Pháp Hoa trở đi, văn chia hai phần:

1. Việc nói Pháp Hoa
2. Việc Phật Niết-bàn

Việc nói Pháp Hoa có hai phần là phần tựa và chánh kinh. Phần tựa lại chia làm sáu, đó là chúng nhóm họp, nói phần tựa kinh, nhập định, hiện điềm lành, nghi vấn và giải đáp.

Hỏi: Các đức quá khứ đều nói Pháp Hoa, vì sao lại dẫn riêng Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh sau cùng?

Đáp: Ở đây có hai nghĩa:

1. Đức Thích-ca, Văn-thù và Di-lặc, ba vị Thánh này thuở ấy đều ngồi dưới đạo tràng Phật Đăng Minh, ba vị Thánh cùng nghe kinh, nay muốn ngài Di-lặc tự chứng nghiệm nên dẫn Phật Đăng Minh, các đức Phật quá khứ khác không có ba vị cùng ngồi nên không dẫn.

2. Trong tám vương tử của Phật Đăng Minh thì người thứ tám là Phật Nhiên Đăng cũng ngồi trong đạo tràng của Phật Đăng Minh, mà đức Thích-ca được Phật Nhiên Đăng thọ ký, đây là lấy gần mà che xa. Nay muốn bỏ gần bày xa nên phải dẫn việc Phật Nhiên Đăng. Nếu dẫn các vị Phật khác thì không có người con thứ tám là Phật Nhiên Đăng ngồi trong đạo tràng, vì thế không dẫn.

Hỏi: Vì sao ban đầu lại dẫn việc tám người con?

Đáp: Tám người con ấy là nhân duyên của kinh Pháp Hoa, như mười sáu vị vương tử của Phật Đại Thông Trí Thắng xin nói kinh Pháp Hoa. Văn có hai phần:

1. Nêu tên tám vị vương tử
2. Khen ngợi đức hạnh của họ

Trước khen ngợi đức hạnh việc trị hóa thế tục, sau khen ngợi đức hạnh xuất gia của họ. Theo cha xuất gia là nói thân lìa, phát tâm Đại

thừa là nói tâm lia. Ban đầu là nói tâm Bồ-đề tức theo cha xuất gia, thường tu phạm hạnh tức thực hành đạo Bồ-tát. “Đã từng ở chỗ nghìn muôn Đức Phật”, đây là khen ngợi nhân đời trước của họ. “Lúc bấy giờ Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh” đây là phần nói tựa kinh. “Phật nói kinh này rồi” là phần tựa nhập định. “Bấy giờ, trời rải các thứ hoa như mưa”, là phần tựa hiện điềm lành, phần này chia ra bốn phần:

1. Trời mưa hoa, đất rung chuyển
2. Thấy điềm lành
3. Điềm lành phát ra ánh sáng như nay đang thấy.

4. Là cõi Chư Phật, v.v... đây là nói thấy điềm lành phát ra ánh sáng, lẽ ra cũng nêu. Cũng có đủ bảy việc như trước đã nói. “Ngài Di-lặc nên biết”, đây thuộc phần tựa nghi vấn. “Bấy giờ có Bồ-tát tên là Diệu Quang”, đây là tựa giải đáp lời hỏi. Có người chép: Phật Đăng Minh là nhân ngài Diệu Quang mà nói Pháp Hoa, Phật Thích-ca là nhân ngài Dược vương mà nói Pháp Hoa. Nay cho rằng không đúng. Phật Đăng Minh là do ngài Diệu Quang nói nhưng Phật Thích-ca thì do ngài Văn-thù mà nói, do ngài Văn-thù dẫn việc xưa làm chứng việc nay để giải thích nghi ngờ cho đại chúng lúc ấy. Đức Như Lai mới xuất định mà nói pháp, vì thế biết do ngài Văn thù.

Hỏi: Nay chỉ chép: “Bấy giờ, có Bồ-tát tên là Diệu Quang”, vì sao biết đây là phần tựa giải đáp?

Đáp: Như hiện nay thấy các cõi Chư Phật, xưa thấy cũng như nay thấy, thì sự giải đáp xưa và nay không khác nhau, vì thế chỉ nêu ngài Diệu Quang để lược lời giải đáp. Lại nữa, người xưa và người nay không khác nhau, tức nay và xưa cùng một lời giải đáp, vì vậy chỉ nêu người thì có thể biết lời đáp. Nay người hỏi là ngài Di-lặc, so sánh việc nay với việc xưa tức người hỏi là Bồ-tát Đức Tạng.

Hỏi: Vì sao nói có tám trăm người đệ tử?

Đáp: Muốn thuật lại bốn duyên của ngài Di-lặc, do đời trước ngài Di-lặc là đệ tử ngài Văn-thù, ngài Văn-thù đã giúp Di-lặc nên ngày nay phải trả lời. “Bấy giờ, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh xả định”, đây nói phần chính là nói Pháp Hoa. Từ đoạn văn trước đến đây có ba thứ đồng nhau:

1. Từ đầu đến pháp có thể nói là sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa là chỗ đã từng thấy và đã từng nghe thấy đồng nhau.
2. Từ Đức Phật rút sau cho đến tám trăm vị đệ tử, nói về từng thấy và hiện thấy là đồng.
3. Từ đoạn văn này đến hết là nói từng thấy và sẽ thấy là đồng.

“Ngồi nghe pháp trải qua sáu mươi tiểu kiếp mà không rời chỗ ngồi”. Luận Trí Độ chép: Trong pháp Tiểu thừa không có việc không thể nghĩ bàn, chỉ pháp Đại thừa mới có, như nói kinh Pháp Hoa trong sáu mươi Tiểu kiếp mà cho là như khoảng bữa ăn.

Hỏi: Vì sao ngài Văn-thù lại dẫn lời này?

Đáp: Ở đây có hai ý:

1. Việc này không thể nghĩ bàn. Tiểu thừa không có mà Đại thừa có, muốn cho chúng nghe Phật nói Pháp Hoa liền khởi ý tưởng kỳ lạ đặc biệt.

2. Muốn nói lên kinh Pháp Hoa nghĩa giàu, văn rộng, cho nên nói trong thời gian lâu dài, cũng là khen ngợi Pháp Hoa để chúng sanh phát tâm cung kính tin nhận.

Hỏi: Đúng là sáu mươi tiểu kiếp, sao nói bằng khoảng bữa ăn?

Đáp: Dài nếu nhất định dài thì không thể co dài khiến cho ngắn, ngắn nếu nhất định ngắn thì không thể kéo ngắn ra thành dài. Do dài ngắn không có tính nhất định, do ngắn nên dài, thì dài là dài của ngắn, do dài mà ngắn thì ngắn là ngắn của dài. Do ngắn là ngắn của dài nên ngắn có thể làm dài. Vì sao như vậy? Bởi đạo đã như nhau, thì dài ngắn không hai, không hai tức dài ngắn vô ngại, có thể rút dài làm ngắn.

Hỏi: Tuy nói vậy nhưng tướng khó thấy rõ ràng?

Đáp: Như trong một đêm năm mộng thấy việc cả một trăm năm, như vậy thời gian dài trăm năm bỗng nhiên rút ngắn trong một đêm, tức là việc này. Chú thích kinh rằng: Ngài Duy-ma có thể kéo dài bảy ngày thành một kiếp, rút ngắn một kiếp thành bảy ngày, hướng nữa khai mở một pháp môn chân thật sao không thể rút kiếp dài thành thời gian ngắn ư! Đây hoặc là mượn nghĩa mà nêu danh, chưa hẳn là thần thông thật sự. Thế gian có câu: Một lời nói trị giá ngàn vàng, một tấc thời gian còn hơn thước đất. Tuy là chỉ nói một khoảng nhỏ, mà thực ra nhiều kiếp đã qua. Theo luận Duy Thức thì dài, ngắn, lấy tâm làm thể, vì thế dài ngắn không nhất định, như ở thế gian nói chuyện với người hợp ý thì không cảm thấy đêm dài. Nên biết thân tâm không động thì một ngày đã ngàn năm rồi.

1. Từ câu: “Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh” trở đi, là nói việc sau khi nói Pháp Hoa, văn chia làm sáu phần là: tuyên bố diệt độ, thọ ký, chánh diệt độ, Bồ-tát Diệu Quang mở mang truyền bá giáo pháp, tám người con học đạo, nói việc đời trước của ngài Di-lặc. Sở dĩ tuyên bố diệt độ là muốn nói kinh này biện luận lý của hai phương tiện, hai chân thật đã rất ráo, người đáng độ, đã độ xong, nên tuyên bố diệt độ.

Hỏi: Phật Đấng Minh nói kinh này xong liền diệt độ, vì sao đức Thích-ca còn nói kinh Niết-bàn?

Đáp: Có chỗ chép: Phật Đấng Minh nói Pháp Hoa xong cũng nói Niết-bàn, nhưng vẫn ẩn một bên nên nói không nói. Nay cho rằng không đúng, Chú thích kinh rằng: Sáng nói kinh xong tối liền diệt độ, nên biết Phật Đấng Minh không nói Niết-bàn. Lại, thời Phật Ca-diếp tuy có Niết-bàn nhưng do con người căn tánh lạnh lợi nên không cần nói, Phật Đấng Minh cũng vậy, đức Thích-ca xuất hiện ở đời ác, người căn tánh lạnh lợi nghe Pháp Hoa xong đã ngộ, nên nói Niết-bàn tức chỉ cho Pháp Hoa nói rằng: Tám ngàn vị Thanh văn được thọ ký riêng thành quả lớn, như mùa Thu thu hoạch mùa Đông cất giữ, không còn làm nữa, vì thế biết ý nghĩa Pháp Hoa đã tròn đầy thì hàng lợi căn sớm ngộ. Nhưng người căn tánh chậm lụt chưa hiểu rõ nên phải nói Niết-bàn.

2. Nói về thọ ký, tức câu: “Bấy giờ, có Bồ-tát tên là Đức Tạng”. Đại chúng nghe Phật sắp Niết-bàn đều sanh tâm luyến mến, nay muốn dứt tình thương xót của chúng sanh mà nói về thọ ký, Phật trước tuy diệt độ thì có Phật sau xuất hiện, không nên đau buồn.

Hỏi: Kinh Pháp Hoa chép: Muốn cho chúng sanh sanh vui mừng thiện nên thị hiện sanh ở cung vua, muốn cho chúng sanh tâm luyến mến thiện nên thị hiện diệt độ ở Song Lâm. Nay Phật Đấng Minh sao chỉ nói dứt tâm luyến mến?

Đáp: Tuyên bố diệt độ khiến chúng sanh phát sanh luyến mến thiện, ngăn dứt sự đau buồn là đoạn diệt điều ác trong các đường của chúng sanh, nghĩa trước và sau có khác nhưng không trái nhau. “Danh hiệu là Tịnh thân”, hệ lụy chẳng có gì không trừ hết nên gọi là Tịnh, đức hạnh chẳng có gì không tròn đầy nên gọi là Thân. Nói rộng mười hiệu là nêu tên cõi này, lược nói ba hiệu tức giữ lời xưng của cõi kia. Như lai là người, Ứng Cúng là đoạn, Chánh Biến Tri là trí, người có đầy đủ trí, đoạn, nghĩa hơi tròn đầy, nên chỉ xưng ba hiệu.

3. Là phần chánh diệt độ, tức câu: “Phật thọ ký rồi”, Nói Niết-bàn vô dư gồm có ba nghĩa:

a. Tiểu thừa nói có hữu dư và vô dư, người tu học đã dứt hết phiền não nhưng vẫn còn thân thể có trí hiểu biết gọi là Niết-bàn hữu dư, khi quả báo thân thể đã hết, không còn thọ thân sau nữa gọi là Niết-bàn vô dư.

b. Theo nói Đại thừa, nhân năm trụ sạch hết là Niết-bàn hữu dư, quả sanh tử sạch hết là Niết-bàn vô dư. Tiểu thừa thì trước đắc hữu dư sau đắc vô dư, Đại thừa cùng lúc đắc cả hai, nhưng nêu quả Phật thì đối

với hai tai họa, không còn nhân tai họa gọi là hữu dư, không còn quả tai họa gọi là vô dư. Lại nữa, theo ý Nhiếp Đại thừa quyển bảy và Kim Quang Minh thì đặc pháp thân rốt ráo gọi là vô dư, ứng thân và hóa thân chẳng phải rốt ráo gọi là hữu dư. Phẩm Ba Thân lại chép: Ba thân hợp lại gọi là Niết-bàn vô trụ xứ, ứng thân và hóa thân không trụ Niết-bàn, bởi pháp thân xưa nay thường vắng lặng nên không nhập Niết-bàn, tức là pháp thân không trụ sanh tử nên gọi là Niết-bàn vô trụ xứ.

c. Theo ý hợp cả Đại thừa và Tiểu thừa thì Tiểu thừa còn có tàn dư của nghiệp khổ nên gọi là hữu dư, Đại thừa hết sạch tàn dư nên gọi là vô dư. Như Kinh Thắng-man chép: Sanh tử có hữu vi và vô vi, nên Niết-bàn cũng có hữu dư và vô dư. Phạm phu sanh tử gọi là hữu vi, bậc Thánh sanh tử gọi là vô vi.

Trừ được phần đoạn sanh tử gọi là hữu dư, do thấy còn có sanh tử, còn có Niết-bàn nên gọi là hữu dư. Không có chỗ của sanh tử, đặc Niết-bàn thì gọi là vô dư, do đối với thân sau không còn sanh tử, không còn Niết-bàn nên gọi là vô dư. Nói chứng nhập gồm có ba loại:

Y cứ Thật luận mà nhập, nhập là do chứng, do chứng ba đức Niết-bàn nên gọi là nhập.

Y cứ Ứng thân mà nói nhập, tích thân còn là hữu dư, diệt tích thân rồi quy về vô dư, tức xả hữu nhập vô gọi là Nhập.

Chân thân, ứng thân hợp lại gọi là nhập, nghĩa là dứt ứng quy về chân.

Trong ba thứ nhập thì chữ nhập trong văn kinh thuộc loại thứ ba.

4. Là phần Bồ-tát Diệu Quang mở rộng kinh, tức là câu: “Sau khi Phật diệt độ”, v.v... Thuở xưa, Bồ-tát Diệu Quang có khả năng mở rộng kinh, để nói lên nay có đức giải thích nghi. Trước nói về thọ ký nghĩa là đời sau có Phật, nay nói ngài Diệu Quang hiện nay có thầy, cả hai đời đều có người đáng nương tựa có pháp để giác ngộ, vì tình thương xót vừa dứt nên nói việc ngài Diệu Quang mở rộng kinh: Lại nữa, trên nói người có duyên với Phật nên nghe Phật Đấng Minh nói Pháp Hoa, nay nói người có duyên với Bồ-tát nên nghe Diệu Quang nói pháp. Lại muốn nói Phật Nhiên Đăng là duyên xa để mở bày ý nghĩa tuổi thọ ở sau, cho nên phải nói ngài Văn-thù mở rộng pháp.

5. “Phật Nhật Nguyệt Đấng Minh có tám người người con“, đây là phần nói tám người con học đạo, đầu tiên nêu tám người con, vì nhân duyên đức Thích-ca nói Pháp Hoa mà nêu ở đầu kinh. Nay nói tám người con mà ý là ở người thứ tám tức Phật Nhiên Đăng, để khai mở ý nghĩa đức Thích-ca có tuổi thọ dài lâu ở phần kinh sau. Vì sao? Vì Phật



Nhiên Đăng thọ ký cho Phật Thích-ca, mà Phật Nhiên Đăng là người thứ tám do ngài Diệu Quang giáo hóa, ngài Diệu Quang tức là ngài Văn-thù, vậy ngài Văn-thù là tổ sư thứ chín của Phật Thích-ca, đây là dùng việc gần che việc xa.

Nay ngài Văn-thù là đệ tử Phật Thích-ca, tức muốn nói lên Phật Thích-ca là thầy của ngài Văn-thù, nên biết ngài đã thành Phật từ lâu, đây là bỏ gần bày xa. Phần sau bỏ gần bày xa, nay trước lấy việc gần che việc xa.

6. “Trong tám trăm vị đệ tử có một người tên là Cầu Danh”: đây là nói về việc trước của ngài Di-lặc. Từ trước tới nay đã trả lời ngài Di-lặc và việc nói đức Thích-ca nói Pháp Hoa đã rồi, nay đoạn này giải thích đều nghi ngờ. Nghi rằng: Ngài Di-lặc đã ở địa vị Bồ-xứ, vì sao còn hỏi ngài Văn-thù, vì thế nay nói đời quá khứ ngài Văn-thù vốn là thầy nên nay có việc hỏi và đáp, ngài Văn-thù là thầy đời thứ mười của ngài Di-lặc.

“Nay thấy điềm lành không khác với xưa”, đây là lời kết thúc rõ ràng, tuy có bốn môn mà không ngoài ba việc là nói lên, giải thích và kết thúc. Ban đầu nêu là Phật muốn nói pháp lớn, thứ đến dẫn việc xưa làm chứng việc nay, tức giải thích muốn nói pháp lớn, nay kết thúc muốn nói pháp lớn. “Bấy giờ, ngài Văn-thù muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng”, đây nói phần kệ tụng. Ngài Di-lặc nói kệ hỏi mà không hỏi đại chúng, bởi muốn nói lên ngài Văn-thù thấy việc xưa khéo giải Thích-các điều nghi có ích cho đại chúng nên nói đại chúng, còn ngài Di-lặc không đúng nên không nói đại chúng, lại nói lên sự việc rõ ràng lời nói về ràng nên xưng là đại chúng.

Ngài Di-lặc là khách, đã có văn xuôi và kệ tụng, Văn-thù là chủ thì cũng có như. Có bốn mươi ba bài kệ tụng lại phần văn xuôi. Văn xuôi có bốn môn: Một là lời khiêm nhường, hai là dẫn việc xưa để trả lời, hai phần này còn chưa rõ ràng, nay lược không nói trong kệ tụng, chỉ tụng phần thứ ba là rộng dẫn việc quá khứ trả lời và phần thứ tư là trả lời rõ ràng. Trong phần một của văn xuôi chia làm hai phần nói việc trước khi nói Pháp Hoa và việc từ khi nói Pháp Hoa trở đi, nay kệ tụng cũng. Việc trước khi nói Pháp Hoa lại chia làm hai, ban đầu nói về Phật, sau biện luận tất cả Phật, nay hợp chung kệ tụng gồm có bốn trường hợp: Nửa bài kệ đầu nói về thời gian, nửa bài kệ kế nói về bậc hóa chủ, một câu nói về giáo pháp và ba câu nói về đồ chúng. Bậc hóa chủ là thầy thuốc, giáo pháp là thuốc hay, đồ chúng uống thuốc thì bệnh sẽ lành, chỉ nói ba việc này thì tóm thâu tất cả việc. “Khi Phật chưa xuất

gia, vua sanh tám vương tử, v.v...” đây là phần kệ tụng nói về việc nói Pháp Hoa trở đi. Phần văn xuôi có hai phần, một là nói việc Pháp Hoa, hai là nói Niết-bàn, nay kệ tụng hai phần này. Phần tựa trong văn xuôi có sáu việc, nay kệ tụng chỉ có năm việc: Một bà tụng đầu nói chúng nhóm họp, một bài kệ nói phần tựa nói kinh, một hàng kệ nói nhập định, “Trời mưa hoa Mạn đà và trống trời tự nhiên vang”, hai việc này là nói điềm lành tựa. Văn xuôi chia làm bốn phần:

1. Mưa hoa, đất rung chuyển
2. Đại chúng thấy điềm lành
3. Hiện điềm lành phát ra ánh sáng
4. Thấy điềm lành ánh sáng.

Hai điều cảm, hai điều ứng này làm rõ ràng cho nhau. Nay phần kệ tụng là chuyển thế lời tụng, ba điềm lành đều là việc năng hóa nên xếp vào một loại, hai lần thấy điềm lành là việc sở hóa, lại xếp vào một loại, lại xếp năng và sở vào một loại. Một hàng kệ nói là rải hoa như mưa, Nửa bài kệ nói về đất rung chuyển, một hàng rưỡi nói về điềm lành phát ra ánh sáng. “Các trời rồng quỷ thần, cúng dường đấng Thế tôn”, trong văn xuôi chỉ nói là mưa hoa, nay giải thích lý do có mưa hoa tức là trời rồng cúng dường Phật.

Hỏi: Đã là chư thiên cúng dường, vì sao nói Phật hiện điềm lành?

Đáp: Do thần lực của Phật và thần lực nói Pháp Hoa, có công năng cảm đến chư thiên cúng dường. “Lại thấy các cõi Phật, đồng các báu trang nghiêm”, đây là phần kệ tụng thấy điềm lành ánh sáng. Trong văn xuôi nói trước thấy điềm lành mưa hoa, đất rung chuyển, sau mới thấy điềm lành ánh sáng. Nay phần kệ tụng lại chuyển ý, trước theo việc gần mà nói thấy điềm lành ánh sáng, kể đến thấy mưa hoa và đất rung chuyển. Trong kệ tụng thấy điềm lành ánh sáng có sáu phần:

1. Một hàng kệ tụng thấy rõ các Đức Phật.
2. Một hàng kệ tụng thấy chúng sanh
3. Một hàng rưỡi kệ thấy hóa chủ
4. Nửa bài kệ nói nghe giáo pháp
5. Hai hàng kệ tụng thấy các Thanh văn
6. Ba hàng kệ tụng thấy các Bồ-tát

Sáu phần này tụng theo thứ lớp, trước phải có cõi nước nên ban đầu nói thấy cõi nước, có cõi nước nên có chúng sanh, có chúng sanh nên có bậc hóa chủ, có bậc hóa chủ nên có nói giáo pháp, trước chỉ lãnh thọ pháp Tiểu thừa nên có Thanh văn, sau lãnh thọ pháp Đại thừa

nên có Bồ-tát. Trong phần kệ tụng bậc hóa chủ có nửa hàng khen ngợi công đức Phật, một hàng là khen ngợi hình tướng Phật. “Bấy giờ, bốn chúng” v.v... trở xuống là một hàng tụng nói bốn chúng thấy điểmlành mưa hoa và đất rung chuyển. “Mỗi người tự hỏi nhau, việc này nhân duyên gì”, đây là kệ tụng thuộc phần nghi vấn tựa, dùng việc xưa để trả lời việc hiện tại, do trả lời lại không có người khác nên lược không nói phần giải đáp tựa. “Được trời người tôn kính” v.v... trở xuống bốn hàng, đây là phần kệ tụng chính là nói Pháp Hoa. “Khen Diệu Quang Bồ-tát”, do ngài Diệu Quang khéo giải đáp điều nghi ngờ, ngăn ngừa chúng sanh chệch lạc, khai mở sự tin hiểu tức là mắt sáng cho thế gian. “Ông là mắt của đời, tất cả đều tin về”, trước khen ngợi ngài có công năng giải quyết nghi ngờ tức khai phát nói Pháp Hoa, nay khen ngợi đức hạnh trì pháp, chứng pháp mở rộng kinh sau khi Phật diệt độ, Trì, nghĩa là giải ngữ, chứng nghĩa là giải nghĩa, đủ hai đức này thì có thể mở rộng kinh. Do ngài Diệu Quang mở rộng kinh sau khi Phật diệt độ, khiến chúng sanh tin nhận nên khen ngợi hai đức hạnh này. “Phật nói Pháp Hoa này, khiến chúng vui mừng rồi”, đây là phần kệ tụng về phần Niết-bàn. Văn xuôi có sáu việc là: tuyên bố diệt độ, thọ Ký, chánh diệt độ, mở rộng hóa giáo pháp, tám người con học đạo, nói việc đời trước của ngài Di-lặc. Trong văn xuôi tóm nói lược phần tuyên bố diệt độ, ở kệ tụng thì giải thích rộng, tức văn xuôi làm chương môn, kệ tụng là giải thích. Trong kệ này có bốn phần:

1. Hai hàng đầu là tuyên bố diệt độ
2. Một hàng kế là Phật khuyên răn, đê tử
3. Một hàng kế nói đại chúng sâu não
4. Một hàng kế là Phật an ủi đại chúng.

Hai hàng kệ đầu chia làm hai:

1. Một hàng rưỡi là tuyên bố diệt độ
2. Nửa hàng kế là chánh diệt độ

Phần đầu nói có hai ý, khiến đại chúng vui mừng là việc lợi ích đã rồi, thật tướng các pháp đã nói xong tức nói giáo pháp đã tròn đầy, do hai việc này nên Phật diệt độ. “nay Ta đúng nửa đêm, sẽ vào cõi Niết-bàn đây là lời tuyên bố diệt độ.

“Bồ-tát Đức Tạng đây v.v...”, một hàng rưỡi kệ này là nói việc thọ ký, ba câu đầu nói về đức hạnh có thể nhận thọ ký, ba câu sau chánh là nói về thọ ký cũng là phần kệ tụng giải thích văn xuôi.

“Đêm đó Phật diệt độ, như củi hết lửa tắt”, trở xuống hai hàng kệ tụng là nói về phần chánh diệt độ, gồm có ba phần:

1. Nửa bài kệ nói về chánh diệt độ
2. Nửa bài kệ nói người tại gia dựng tháp cầu phước.
3. Một hàng kệ nói về người xuất gia tu đạo phát sanh trí tuệ.

Đây là nói về lợi ích của sự diệt độ. Trước tuyên bố diệt độ để sanh luyến mến điều thiện, nay nói chánh diệt độ là sanh lợi ích phước tuệ. “Như củi hết lửa tắt”: y theo nghĩa Tiểu thừa dùng thân làm củi, trí tuệ làm lửa, trí tuệ nung vào thân, thân hết thì trí diệt. Lại dùng phiền não làm củi, dùng thân làm lửa, phiền não của Phật đã hết nên thân mãi mãi bất sanh, cho nên khác với diệt độ của phàm phu. Theo Đại thừa giải thích củi dụ cho cảm, lửa dụ cho ứng, chúng sanh hết cảm thì Chư Phật hết ứng.

“Riêng Pháp sư Diệu Quang, vâng giữ Phật pháp tạng”,v.v... trở xuống một hàng kệ là nói việc mở rộng kinh.

“Còn tám vị vương tử, được Diệu Quang khai mở,v.v...” trở xuống ba hàng kệ là nói tám người con học đạo.

“Pháp sư Diệu Quang đây, có một người đệ tử,v.v...” sáu hàng kệ kể đây là nói về việc đời trước của ngài Di-lặc, chia làm ba phần:

1. Hai hàng rưỡi kệ đầu nói lỗi lầm xưa kia của ngài Di-lặc
2. Hai hàng kệ rưỡi kể nỗi khổ đắc của ngài Di-lặc
3. Một hàng kệ sau kết thúc hội xưa và nay.

“Ta thấy Phật Đấng Minh, điềm lành trước như thế”; hai hàng kệ tụng này là kết thúc lời giải đáp. Nửa bài là đem việc xưa so sánh việc nay, nửa hàng là so sánh việc nay với việc xưa, Nửa bài kệ kể theo là giải thích ý Phật xưa hiện điềm lành, Nửa bài kệ cuối là giải thích ý Phật nay phát ra ánh sáng.

“Các người nay nên biết, chấp tay một lòng chờ,v.v...” hai hàng kệ này là khai phát tâm chúng sanh. Hàng kệ đầu nói về việc tốt sẽ đến, tức là sanh ra kiến giải đối với pháp Nhất thừa, hàng kệ sau nói về việc ác nên diệt tức kiến hoặc của ba thừa diệt, Phật nói Nhất thừa mà có hai lợi ích là sanh hiểu biết và diệt ác. Lại nữa, hiểu biết Nhất thừa sẽ đưa đến thành Phật; nghĩa là đức hạnh chẳng có gì không tròn đầy, dứt hết hoặc ba thừa, không hệ lụy nào chẳng trừ sạch, hai việc này rất lớn cho nên phải vui mừng. “Chấp tay một lòng chờ”, là khiến trụ ở hai oai nghi đợi Phật nói pháp. Chấp tay là thân trụ chánh oai nghi nghĩa là thân không làm việc gì khác, nhất tâm là tâm trụ chánh oai nghi, nghĩa là ý không theo các duyên khác. “Đây khắp người cầu đạo”, thuở trước nói pháp Tiểu thừa nên giáo lý chưa tròn đầy, vì thế hiểu biết không đủ, nay nói pháp Đại thừa là trái với trước nên nói là đầy đủ, đầy đủ tức là

---

chứng đắc quả pháp thân: Bài kệ kệ thì nửa bài trên nói về người cầu  
ba thừa nếu có nghi ngờ, nửa bài kệ sau là nói Phật sẽ dứt trừ khiến cho  
không còn nghi.

